

THCS TRẦN VĂN ĐĂNG

TỔ NGŨ VĂN

NHÓM NGŨ VĂN 7

NỘI DUNG HỌC TẬP TRỰC TUYẾN

TUẦN 5 (4/10 – 9/10/2021)

TUẦN 5 4/10–9/10	TIẾT 17+18 + 19	TIẾT 20
	1) Sông núi nước Nam 2) Phò giá về kinh 3) Bài ca Côn Sơn (khuyến khích HS tự đọc) 4) Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra (khuyến khích HS tự đọc)	Từ Hán Việt

HƯỚNG DẪN HỌC TẬP :

1. Trước mỗi buổi học, các em đọc trước **phần Lý thuyết** của mỗi bài học trong SGK và trong tài liệu này.
2. Sau các buổi học trực tuyến, các em hoàn thành **phần Bài tập** trong tài liệu này, nộp cho GV qua địa chỉ mail hoặc zalo của GV. Bài làm có thể đánh máy hoặc viết tay. **Chú ý ghi rõ họ tên và lớp của các em khi nộp bài.**

PHẦN LÝ THUYẾT

TIẾT 17 + 18 + 19:

SÔNG NÚI NƯỚC NAM

(“Nam quốc sơn hà” - Lý Thường Kiệt)

I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

- Bước đầu tìm hiểu về thơ trung đại.
- Cảm nhận được tinh thần, khí phách của dân tộc ta qua bản dịch bài thơ chữ Hán *Nam quốc sơn hà*.

II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG

1. Kiến thức

- Những hiểu biết bước đầu về thơ trung đại.
- Đặc điểm về thể thơ thất ngôn tứ tuyệt.
- Chủ quyền về lãnh thổ của đất nước và ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền đó trước kẻ thù xâm lược.

2. Kỹ năng:

- Nhận biết thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.
- Đọc – hiểu và phân tích thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật chữ Hán qua bản dịch tiếng Việt.

III – HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

1. Nội dung

- Khẳng định chủ quyền lãnh thổ.
- Tố cáo tội ác của bọn xâm lược
- Ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền đất nước.

2. Nghệ thuật

- Vận dụng phương thức biểu đạt biểu cảm trữ tình.

- Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.
- Giọng thơ đồng dục, đánh thép.

3. Ý nghĩa văn bản

Bằng thể thơ thất ngôn tứ tuyệt, giọng thơ đồng dục đánh thép, “Sông núi nước Nam” là bản Tuyên ngôn độc lập đầu tiên khẳng định chủ quyền về lãnh thổ của đất nước và nêu cao ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền đó trước mọi kẻ thù xâm lược.

PHÒ GIÁ VỀ KINH

Trần Quang Khải

I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

Hiểu giá trị tư tưởng và đặc sắc nghệ thuật của bài thơ *Tụng giá hoàn kinh sư* của Trần Quang Khải.

II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG

1. Kiến thức

- Sơ giản về tác giả Trần Quang Khải.
- Đặc điểm thể thơ ngũ ngôn tứ tuyệt.
- Khí phách hào hùng và khát vọng thái bình thịnh trị của dân tộc ta ở thời đại nhà Trần.

2. Kỹ năng:

- Nhận biết thể hện loại thơ tứ tuyệt.
- Đọc – hiểu và phân tích thơ ngũ tứ tuyệt chữ Hán qua bản dịch tiếng Việt.

III – HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

1. Nội dung

Hào khí chiến thắng của dân tộc qua hai chiến thắng trận Hàm Tử, Chương Dương
Khát vọng hòa bình để xây dựng đất nước

2. Nghệ thuật

- Vận dụng phương thức biểu đạt biểu cảm trữ tình.
- Thể thơ ngũ ngôn tứ tuyệt Đường luật.
- Diễn đạt cô đúc cảm xúc.

3. Ý nghĩa văn bản

Với hình thức diễn đạt cô đúc, dồn nén cảm xúc vào bên trong ý tưởng, bài thơ “Phò giá về kinh” đã thể hiện hào khí chiến thắng và khát vọng thái bình thịnh trị của dân tộc ta ở thời đại nhà Trần.

BÀI CA CÔN SƠN

(Trích *Côn Sơn ca* - NGUYỄN TRÃI)

I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

Cảm nhận được sự hòa nhập giữa tâm hồn Nguyễn Trãi với cảnh trí Côn Sơn qua một đoạn trích được dịch theo thể thơ lục bát.

II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG

1. Kiến thức

- Sơ giản về tác giả Nguyễn Trãi.
- Sơ bộ về đặc điểm thể thơ lục bát.
- Sự hòa nhập giữa tâm hồn Nguyễn Trãi với cảnh trí Côn Sơn được thể hiện trong văn bản.

2. Kỹ năng:

- Nhận biết thể loại thơ lục bát.
- Phân tích đoạn thơ chữ Hán được dịch sang tiếng Việt theo thể thơ lục bát.

III – HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

1. Nội dung

- Cảnh sắc của Côn Sơn.

- Tâm hồn của Nguyễn Trãi.

2. Nghệ thuật

- Vận dụng phương thức biểu đạt biểu cảm trữ tình.
- Bản dịch được viết theo thể thơ lục bát.
- Sử dụng nhiều biện pháp nghệ thuật : so sánh, liên tưởng...

3. Ý nghĩa văn bản

Với hình ảnh nhân vật “ta” giữa cảnh tượng Côn Sơn nên thơ, hấp dẫn, đoạn thơ đã cho thấy sự giao hòa trọn vẹn giữa con người và thiên nhiên bắt nguồn từ nhân cách thanh cao, tâm hồn thi sĩ của chính Nguyễn Trãi.

BUỔI CHIỀU ĐỨNG Ở PHỦ THIÊN TRƯỜNG TRÔNG RA

(*Thiên Trường vãn vọng* – TRẦN NHÂN TÔNG)

I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

- Cảm nhận được hồn thơ thấm thiết tình quê của Trần Nhân Tông qua một bài thơ chữ Hán thất ngôn tứ tuyệt.

II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG

1. Kiến thức

- Bức tranh làng quê thôn dã trong một sáng tác của Trần Nhân Tông – người sau này trở thành vị tổ thứ nhất của thiền phái Trúc Lâm Yên Tử.

- Tâm hồn cao đẹp của một vị vua tài đức.

- Đặc điểm của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật qua một sáng tác của Trần Nhân Tông.

2. Kỹ năng:

- Vận dụng kiến thức về thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật đã học vào đọc – hiểu một văn bản cụ thể.
- Nhận biết được một số chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong bài thơ.

- Thấy được sự tinh tế trong lựa chọn ngôn ngữ của tác giả để gọi tả bức tranh đậm đà tình quê hương.

III – HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

1. Nội dung

- Phê phán những hủ tục trong xã hội, những thói hư tật xấu của con người.
- Châm biếm, đả kích tầng lớp thống trị ngày xưa

2. Nghệ thuật

- Vận dụng các phương thức biểu đạt biểu cảm trữ tình.
- Sử dụng các hình ảnh so sánh, ẩn dụ.....

3. Ý nghĩa văn bản

Cảnh tượng buổi chiều ở phủ Thiên Trường là cảnh tượng vùng quê trầm lặng mà không đìu hiu. Ở đây vẫn ánh lên sự sống con người trong sự hòa hợp với cảnh vật thiên nhiên một cách nên thơ, chứng tỏ tác giả là con người tuy có địa vị tối cao nhưng tâm hồn vẫn gắn bó máu thịt với quê hương thôn dã.

TIẾT 20:

TỪ HÁN VIỆT

I – MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

- Hiểu thế nào là yếu tố Hán Việt
- Biết phân biệt hai loại từ ghép Hán Việt: từ ghép đẳng lập và từ ghép chính phụ.
- Có ý thức sử dụng từ Hán Việt đúng nghĩa, phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.
- Hiểu được tác dụng của từ Hán Việt và yêu cầu về sử dụng từ Hán Việt.
- Có ý thức sử dụng từ Hán Việt đúng nghĩa, phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

II – TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG

1. Kiến thức:

- Khái niệm từ Hán Việt, yếu tố Hán Việt.
- Các loại từ Hán Việt.
- Tác dụng của từ Hán Việt trong văn bản.
- Tác hại của việc lạm dụng từ Hán Việt.

2. Kỹ năng:

- Nhận biết từ Hán Việt, các loại từ ghép Hán Việt.
- Mở rộng vốn từ Hán Việt.
- Sử dụng từ Hán Việt đúng nghĩa, phù hợp với ngữ cảnh.
- Mở rộng vốn từ Hán Việt.

III – HƯỚNG DẪN HỌC TẬP

1. Tìm hiểu chung:

- Trong tiếng Việt có một khối lượng khá lớn từ Hán Việt. Tiếng để cấu tạo từ Hán Việt gọi là yếu tố Hán Việt.

- Phần lớn các yếu tố Hán Việt không được dùng độc lập như từ mà chỉ dùng để tạo từ ghép. Một số yếu tố Hán Việt như : hoa, quả, bút, bảng, học, tập...có lúc dùng để tạo từ ghép, có lúc được dùng độc lập như một từ.

- Có nhiều yếu tố Hán Việt đồng âm nhưng nghĩa khác xa nhau.

- Cũng như từ ghép thuần Việt, từ ghép Hán Việt có hai loại chính : từ ghép đẳng lập và từ ghép chính phụ.

- Trật tự của yếu tố trong từ ghép chính phụ Hán Việt:

+ Có trường hợp giống với trật tự từ ghép thuần Việt : yếu tố chính đứng trước, yếu tố phụ đứng sau.

+ Có trường hợp khác với trật tự từ ghép thuần Việt : yếu tố phụ đứng trước, yếu tố chính đứng sau.

- Trong nhiều trường hợp, người ta dùng từ Hán Việt để :

+ Tạo sắc thái trang trọng, thể hiện thái độ tôn kính;

+ Tạo sắc thái tao nhã, tránh gây cảm giác thô tục, ghê sợ;

+ Tạo sắc thái cổ, phù hợp với bầu không khí xã hội xa xưa.

- Khi nói hoặc viết không nên lạm dụng từ Hán Việt làm cho lời ăn tiếng nói thiếu tự nhiên, thiếu trong sáng, không phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

2. Luyện tập

- Nhận diện được từ Hán Việt.

- Phân biệt từ ghép đẳng lập Hán Việt và từ ghép chính phụ Hán Việt.

- Tìm được từ Hán Việt có yếu tố đồng âm

- Nhận diện được sắc thái của việc sử dụng từ Hán Việt.

- Biết sử dụng từ Hán Việt cho phù hợp.

PHẦN BÀI TẬP

Trong giai đoạn đất nước hòa bình, phát triển mạnh về khoa học – công nghệ hiện nay, theo em, mỗi con người cần phải có thái độ và hành động gì để thể hiện tình yêu quê hương đất nước ? Viết một đoạn văn ngắn (6 – 8 câu) nêu suy nghĩ của em.